

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

HAI HỆ THỐNG TỪ NGỮ TRONG VIỆC MIÊU TẢ CHÂN DUNG CHỊ EM THÚY KIỀU

TWO LANGUAGE SYSTEM IN DESCRIBING THE PORTRAIT OF THUY KIEU SISTERS

PHẠM TUẤN VŨ

(Bình Định)

Abstract: This article focuses on clarifying the role of Vietnamese words and Chinese-Vietnamese words in describing the portrait of Thuy Kieu sisters. According to the survey, aesthetic value analysis of the two language systems in the excerpts named “Sisters of Thuy Kieu”, the authors wanted to assert the language skills of Nguyen Du in *Tale of Kieu* - a masterpiece of Vietnamese literature.

Key words: Vietnamese words, Chinese-Vietnamese words, the portrait of Thuy Kieu sisters, Nguyen Du, *The Tale of Kieu*.

1. Trong các truyện nôm thời trung đại, khi miêu tả nhân vật, nhà văn thường sử dụng hai hệ thống từ ngữ (từ thuần Việt và từ Hán Việt) theo ba hướng cơ bản sau. Một là ưu tiên sử dụng từ Hán Việt trong việc xây dựng nhân vật chính diện và nghiêng về dùng nhiều từ thuần Việt đối với nhân vật phản diện. Hai là sử dụng cả hai hệ thống ngôn ngữ này cho việc mô tả nhân vật phản diện. Và ba là sử dụng cả hai hệ thống ngôn ngữ đối với nhân vật chính diện. Khuynh hướng thứ nhất là phổ biến hơn cả.

“Nguyễn Du là bậc thầy của ngôn ngữ dân tộc, là tập đại thành về ngôn ngữ của thời đại ông, là người đã nâng ngôn ngữ văn học dân tộc của thời đại lên một đỉnh cao chói lọi”⁽¹⁾. Trong *Truyện Kiều*, nhà thơ sử dụng rất thành thạo cả ba hướng này. Và trường hợp nào, Nguyễn Du cũng rất thành công, để lại những vần thơ tài năng mà người đời ngưỡng mộ. Trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi chỉ đi vào tìm hiểu một biểu hiện cho tài năng sử dụng ngôn ngữ theo hướng thứ ba. Đó là sự kết hợp

nhuần nhuyễn hai hệ thống ngôn ngữ trong việc miêu tả chân dung Thúy Vân, Thúy Kiều ở trích đoạn được đưa vào giảng dạy ở chương trình phổ thông, với nhan đề “Chị em Thúy Kiều”.

2. Trong *Truyện Kiều*, hai chị em họ Vương, nhất là nàng Kiều được miêu tả nhiều lần nhưng có lẽ trong trẻo, đẹp đẽ nhất là những vần thơ khắc họa chân dung ở phần đầu truyện, trong màn giới thiệu gia cảnh của nhà “viên ngoại họ Vương” từ câu 15 đến câu 38. Khảo sát 168 chữ trong 24 câu thơ này, chúng ta có bảng thống kê sau:

	Số lượng (chữ)	Tỉ lệ (%)
Từ thuần Việt	99	58,9
Từ Hán Việt	69	41,1
<i>Tổng cộng</i>	<i>168</i>	<i>100</i>

Như vậy, có thể thấy số lượng từ Hán Việt được sử dụng với tần số rất cao (41,1%), gần tương đương với số lượng từ thuần Việt (58,9%). Mỗi hệ từ sẽ phát huy ưu thế của mình khi được dùng đúng lúc,

đúng chỗ. Trong trường hợp này, cụ Nguyễn đã chứng tỏ được bản lĩnh, tài năng sử dụng ngôn ngữ của một thiên tài. Điều này thể hiện qua việc sử dụng hai hệ từ thuần Việt – Hán Việt không những chính xác mà còn hết sức tinh tế của nhà thơ trong việc miêu tả chân dung hai chị em vườn Thúy.

Trước hết, đó là việc sử dụng hai hệ thống từ ngữ một cách chính xác. Khi mô tả những đường nét cụ thể của ngoại hình nhân vật, tác giả đã sử dụng từ thuần Việt với tần số cao hơn hẳn. Chẳng hạn đối với nhân vật Thúy Vân, khi miêu tả khuôn mặt, nét mày, nhà thơ viết “*khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang*” (8/8, hoàn toàn thuần Việt), “*mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da*” (7/8 chữ là từ Việt, chữ **tuyết** đã được Việt hóa hoàn toàn). Đối với nhân vật Thúy Kiều cũng vậy, nói về vẻ đẹp riêng của nàng, tác giả đã viết “*Kiều càng sắc sảo mặn mà*” (5/6 chữ là thuần Việt), “*hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*” (6/8 chữ là thuần Việt, hai chữ **hoa**, **liễu** cũng như chữ **tuyết**). Hay như khi nói về cái đẹp riêng của từng người, cụ Nguyễn viết “*mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười*” (7/8 chữ là từ Việt)... Việc sử dụng từ thuần Việt, trong đó có những từ láy (*đầy đặn, nở nang, sắc sảo, mặn mà*), đặc biệt là từ láy tượng hình (*đầy đặn, nở nang*) với một tần số cao như vậy đã phát huy tối đa những sở trường của hệ thống từ ngữ này. Bởi như ta biết, đặc trưng của tiếng Việt là tính cụ thể, sinh động, gợi hình, chi tiết rất thích hợp với việc khắc họa chân dung cận cảnh, sống động, chân thực. Chân dung của hai nàng Kiều nhờ vậy sẽ hiện ra cụ thể, rõ nét hơn. Nếu ở trường hợp này, tác giả thay vào bằng những từ Hán Việt tương đương thì sẽ rất khó để hình dung ra gương mặt, dáng vẻ của hai nàng.

Ngược lại, khi nói về tên gọi, phẩm hạnh, tâm hồn, trí tuệ, tài năng, tuổi tác... của hai nàng, nhất là nàng Kiều, nhà thơ sử dụng một loạt từ Hán Việt: *Thúy Kiều* 翠翹, *Thúy Vân* 翠雲, *mai cốt cách, tuyết tinh thần* 梅骨格雪精神 (6/6 là từ Hán Việt), *trang trọng* 莊重, *đoan trang* 端莊, *tài sắc* 才色, *thông minh* 聰明, *thi họa* 詩畫, *ca ngâm* 歌吟, *ngũ âm* 五音, *Hồ cầm* 胡琴, *bạc mệnh* 薄命, *phong lưu* 風流, *hồng quần* 紅裙, *tuần cập kê* 旬及笄... Cũng với tần số cao như vậy, đến lượt mình, hệ thống từ Hán Việt đã phát huy được sở trường của mình. Bởi từ Hán Việt mang trong mình những đặc trưng là tính tĩnh tại, khái quát, mơ hồ, trang trọng,...; có ưu thế trong việc miêu tả những phương diện trừu tượng, trang nghiêm... khi xây dựng nhân vật như trên đã nói. (Dĩ nhiên, tiếng Hán cũng như mọi ngôn ngữ khác đều có những từ ngữ thông tục, suồng sã... Nhưng từ Hán Việt có những đặc trưng trên có lẽ vì hai lý do. Một là, đó là thuộc tính vốn có của tiếng Hán, một thứ chữ tượng hình vốn rất trừu tượng. Hai là, từ Hán Việt là sản phẩm của của người Việt dựa trên tiếng Hán du nhập vào và phát triển ở nước ta chủ yếu bằng con đường hành chính quan phương, thi cử đã có sự chọn lọc). Ở đây, rất khó để thay những từ Hán Việt trên bằng các từ thuần Việt tương đương. Và nếu có thay thế được thì nhiều câu thơ sẽ giảm đi tính trang trọng, cao nhã, chuẩn xác rất lớn. Rõ ràng, đối với lớp từ ngữ ngoại lai này, Nguyễn Du đã biết cách sử dụng một cách không lệ thuộc đồng thời biết phát huy sở trường của chúng cho phù hợp với ý đồ nghệ thuật của mình. Đánh giá về tài năng ngôn ngữ này của Thanh Hiên, Nguyễn Lộc đã có nhận định xác đáng: “Có

thể nói, cho đến nay, cách dùng từ Hán Việt của Nguyễn Du vẫn là một bài học sinh động và sáng tạo về cách sử dụng từ nước ngoài để làm phong phú cho ngôn ngữ nước mình, dùng từ nước ngoài mà vẫn giữ được cái trong sáng của tiếng Việt”(1).

Không chỉ chính xác, chân thực, cụ Nguyễn Du còn sử dụng hai hệ thống từ ngữ này hết sức tinh tế, gợi cảm. Đó là sự kết hợp hài hòa hai hệ thống từ ngữ này. 26/28 câu thơ có cả từ thuần Việt và Hán Việt xuất hiện với số lượng hai hệ thống từ gần tương đương nhau, **một câu gồm toàn từ Việt và một câu toàn từ Hán Việt** đã làm cho đoạn thơ cân xứng, giàu hình ảnh, nhạc điệu hơn. Mỗi hệ thống từ ngữ đều có mức độ, đúng ngữ cảnh nên làm tốt chức năng, phát huy được thế mạnh của riêng mình. Nhiều điển cố (*Hồ cầm, tường đông*), thi liệu văn học Trung Quốc (*mai, tuyết, hoa, liễu, thu thủy, xuân sơn...*) được sử dụng kết hợp với chất liệu ngôn ngữ dân tộc làm cho đoạn trích thêm sinh động, giàu hình ảnh. Bút pháp nhân hóa, ước lệ, “đòn bẩy”, “tâm lí hóa ngoại hình” và “thân phận hóa phẩm cách nhân vật” (GS. Đặng Thanh Lê) khắc họa sâu sắc hơn chân dung chị em Thúy Kiều... Tất cả cho thấy tài năng sử dụng ngôn ngữ tuyệt vời của bậc đại thi hào, đúng như GS. Đặng Thanh Lê nhận định: “Nguyễn Du đã tạo nên tính chất sinh động trong chân dung nhân vật bởi vì bên cạnh những từ ngữ, những điển cố, những thi liệu văn học Trung Quốc được sử dụng thích đáng, Nguyễn Du còn đưa vào nhiều từ loại dân tộc có giá trị biểu đạt và biểu cảm...”(2).

3. Tóm lại, trong việc khắc họa chân dung hai chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du đã tỏ ra rất thành công trên nhiều phương diện, trong đó đáng chú ý là việc kết hợp tài tình

hai hệ thống từ thuần Việt và Hán Việt. Mỗi hệ thống từ đều được sử dụng đúng chỗ, phát huy được thế mạnh của mình, có vai trò không thể phủ nhận đối với việc xây dựng nhân vật. Đây là một trong những biểu hiện cho tài năng sử dụng ngôn ngữ bậc thầy của thi hào Nguyễn Du, đúng như lời khen ngợi của Đào Nguyên Phổ: “*Muốn cầu cho được áng văn lời như châu ngọc, điệu hợp cung thương thì chỉ có một Kim Vân Kiều mà thôi*”(3).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Lộc (2004), *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỉ XVII - hết thế kỉ XIX)*, tái bản lần thứ 5, Nxb Giáo dục, H., tr. 419, 425-426.
2. Nguyễn Thanh Lê, *Giảng văn Truyện Kiều*, tái bản lần thứ 7, Nxb Giáo dục, H., 2009, tr. 30.
3. Dẫn theo Nhiều tác giả, *Nguyễn Du về tác giả và tác phẩm*, tái bản lần thứ 2, Nxb Giáo dục, H., 2001, tr. 163.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 26-12-2013)

HỢP THƯ

Trong tháng 1/2014, **NN & ĐS** đã nhận được thư, bài của các tác giả: Nguyễn Tiến Bình, Nguyễn Thị Thu Lan, Hoàng Thị Thanh Huyền, Hoàng Thị Yên, Lê Thị Thanh Mai, Trần Thị Minh Phương, Vũ Thúy Nga, Phan Thị Diễm Lê, Ngô Hữu Hoàng, Thái Tâm giao, Lê Quang Thiêm (Hà Nội); Phạm Văn Trường (Yên Bái); Đỗ Quốc Dũng (Tp HCM); Trầm Thanh Tuấn, Huỳnh Thị Bích Vân (Trà Vinh).

Tòa soạn **NN & ĐS** xin cảm ơn sự cộng tác của quý vị và các bạn.

NN & ĐS